



Member of IAF MLA/ APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
VIETNAM CERTIFICATION CENTRE (QUACERT)

Địa chỉ/ Location:

Trụ sở chính: Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Head office: No 8 Hoang Quoc Viet, Nghia Do ward, Cau Giay district, Hanoi

Mã số/ Accreditation No.

VICAS 074 - FSMS

Được công nhận có đủ năng lực tiến hành đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý

An toàn vệ sinh thực phẩm

Tổ chức chứng nhận đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn

is accredited to operate audit and certification of Food Safety Management System.

The Accredited Certification Body meets the requirements of

ISO/IEC 17021-1:2015 & ISO/TS 22003:2013

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN

Scope of Accreditation

Theo phụ lục kèm theo quyết định số 923/QĐ-VPCNCL ngày 17/05/2023

As in the accreditation schedule accompanied with accreditation decision

No 923/QĐ-VPCNCL dated May 17, 2023

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)



TRẦN THỊ THU HÀ

Ngày/ Date of Issue: 17/05/2023

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: up to 17/05/2026

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of Accreditation: 17/05/2023

Số: /QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận tổ chức chứng nhận:

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP

Có đủ năng lực tiến hành đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (Food Safety Management System - FSMS) phù hợp theo ISO/ IEC 17021-1:2015 và ISO/TS 22003:2013 với phạm vi công nhận trong phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Điều 2:** Tổ chức Chứng nhận được mang số hiệu: **VICAS 074 - FSMS**.
- Điều 3:** Tổ chức Chứng nhận được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.
- Điều 4:** Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký và Tổ chức chứng nhận sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Đơn vị có tên tại Điều 1;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

Trần Thị Thu Hà



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Ha noi; Tel: (+84 4) 37911552; Fax: (+84 4) 37911551; Website: [Http://www.boa.gov.vn](http://www.boa.gov.vn)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCL ngày tháng 05 năm 2023
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ *in Vietnamese*: TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP

Tiếng Anh/ *in English*: VIETNAM CERTIFICATION CENTRE (QUACERT)

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 074 – FSMS

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Trụ sở chính/ Head office:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

No 8 Hoang Quoc Viet, Cau Giay district, Hanoi

Tel: +84 24 3756 1025

Website: [Http://www.quacert.gov.vn](http://www.quacert.gov.vn)

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Criteria

- ISO/IEC 17021-1: 2015
- ISO/TS 22003: 2013



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Ha noi; Tel: (+84 4) 37911552; Fax: (+84 4) 37911551; Website: [Http://www.boa.gov.vn](http://www.boa.gov.vn)

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000: 2018 cho các lĩnh vực sau/
Certification of food safety management system according to ISO 22000: 2018 for the following scopes:

Nhóm ngành <i>Cluster</i>	Ngành <i>Category</i>		Chuyên ngành <i>Subcategory</i>	
Chăn nuôi, trồng trọt <i>Farming</i>	B	Trồng trọt <i>Farming of Plants</i>	BI	Trồng các loại cây (trừ ngũ cốc) <i>Farming of plants (other than grains and pulses)</i>
Bán lẻ, vận chuyển và lưu kho <i>Retail, transport and storage</i>	F	Phân phối <i>Distribution</i>	FI	Bán lẻ/ Bán buôn <i>Retail/ Wholesale</i>
			FII	Môi giới/ Kinh doanh thực phẩm <i>Food broking/ Trading</i>
	G	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và lưu kho <i>Provision of transport and storage services</i>	GI	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và lưu kho cho thực phẩm và thức ăn chăn nuôi mau hỏng ở nhiệt độ thường <i>Provision of transport and storage services for perishable food and feed</i>
			GII	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và lưu kho cho thực phẩm và thức ăn chăn nuôi giữ được lâu ở nhiệt độ thường <i>Provision of transport and storage services for ambient stable food and feed</i>

Phụ lục này có hiệu lực tới ngày tháng 05 năm 2026

This Accreditation Schedule is effective until th May , 2026